**Database Testing Test Scenarios**

1. Kiểm tra xem dữ liệu được lưu trong cơ sở dữ liệu có chính xác sau khi submit thành công hay không.

2. Kiểm tra giá trị cho các cột không chấp nhận giá trị null.

3. Kiểm tra tính toàn vẹn của dữ liệu. Dữ liệu nên được lưu trữ trong một hoặc nhiều bảng dựa trên thiết kế.

4. Tên của index nên được đặt theo các tiêu chuẩn, ví dụ: IND\_ Tên bảng \_ Tên cột.

5. Các bảng phải có một cột khóa chính.

6. Các cột của bảng phải có sẵn thông tin mô tả (ngoại trừ các audit columns như ngày tạo, người tạo bảng, v.v.)

7. Đối với mỗi cơ sở dữ liệu, nên có phần cập nhật nhật ký hoạt động.

8. Nên tạo các index bắt buộc của bảng.

9. Kiểm tra xem dữ liệu được commit vào CSDL chỉ khi hoàn tất một hành động hay không.

10. Dữ liệu nên được khôi phục trong trường hợp thực hiện transactions không thành công.

11. Tên cơ sở dữ liệu nên được đặt theo loại ứng dụng, ví dụ: test, UAT, sandbox, live (mặc dù đây không phải là tiêu chuẩn, nhưng hữu ích cho việc bảo trì cơ sở dữ liệu).

12. Các tên logic cơ sở dữ liệu nên được đặt theo tên cơ sở dữ.

13. Các stored procedures không được đặt tên bằng tiền tố “sp\_”

14. Kiểm tra xem các giá trị cho các audit columns (như created date, created by, updated, updated by, is deleted, deleted data, deleted by, v.v.) có được điền đúng cách hay không.

15. Kiểm tra xem dữ liệu đầu vào có bị cắt bớt khi lưu hay không. Độ dài trường hiển thị cho người dùng trên trang và trong lược đồ cơ sở dữ liệu phải giống nhau.

16. Kiểm tra các trường số với giá trị nhỏ nhất, lớn nhất và số thực.

17. Kiểm tra các trường số có chấp nhận giá trị âm hay không.

18. Kiểm tra xem các radio button và các danh sách thả xuống có được lưu chính xác trong cơ sở dữ liệu hay không.

19. Kiểm tra xem các trường cơ sở dữ liệu có được thiết kế với kiểu dữ liệu và độ dài dữ liệu chính xác hay không.

20. Kiểm tra xem tất cả các ràng buộc bảng như khóa chính, khóa ngoại, v.v. có được thực hiện đúng hay không.

21. Kiểm tra các stored procedures và các triggers với các mẫu dữ liệu đầu vào.

22. Nên cắt bỏ khoảng trống ở đầu và cuối của dữ liệu đầu vào trước khi lưu dữ liệu vào cơ sở dữ liệu.

23. Giá trị rỗng không được phép cho cột Khóa chính.

**Test Scenarios For Sending Emails**

(Các trường hợp kiểm thử để soạn hoặc xác thực email không được liệt kê ở đây)

(Đảm bảo sử dụng địa chỉ email giả trước khi thực hiện các kiểm thử liên quan đến email)

1. Mẫu email nên sử dụng CSS chuẩn cho tất cả các email.

2. Địa chỉ email nên được xác thực trước khi gửi email.

3. Các ký tự đặc biệt trong phần nội dung email phải được xử lý đúng cách.

4. Các ký tự dành riêng cho ngôn ngữ (Ví dụ: ký tự tiếng Nga, tiếng Trung hoặc tiếng Đức) phải được xử lý đúng cách trong phần nội dung email.

5. Tiêu đề email không được để trống.

6. Các Placeholder fields được sử dụng trong mẫu email phải được thay thế bằng các giá trị thực tế, ví dụ: {Firstname} {Lastname} phải được thay thế bằng họ và tên của một cá nhân phù hợp cho tất cả người nhận.

7. Nếu báo cáo có giá trị động được đưa vào nội dung email và dữ liệu báo cáo phải được tính toán chính xác.

8. Tên người gửi email không được để trống.

9. Email nên được kiểm thử trong các ứng dụng email khác nhau như Outlook, Gmail, Hotmail, Yahoo! Mail, v.v.

10. Kiểm thử chức năng gửi email bằng cách sử dụng các trường TO, CC và BCC.

11. Kiểm thử email chỉ chứa văn bản thuần túy.

12. Kiểm thử các email định dạng HTML.

13. Kiểm thử đầu trang và chân trang email với các logo công ty, chính sách bảo mật và các liên kết khác.

14. Kiểm thử email có tệp đính kèm.

15. Kiểm thử gửi email đến người nhận đơn lẻ, gửi nhiều người hoặc gửi theo danh sách phân phối.

16. Kiểm thử xem thư trả lời địa chỉ email có chính xác không.

17. Kiểm thử để gửi một lượng lớn email.

**Checklist #7: Date Field Test Scenarios**

Date field:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **ADD (ở màn hình Add)** | **EDIT (ở màn hình Edit)** |
| Hiển thị ngày mặc định |  |  |
| Hiển thị của lịch |  |  |
| Điều hướng cho các tháng và năm khác nhau trong lịch |  |  |
| Nhập thủ công trong các trường dữ liệu ngày tháng |  |  |
| Định dạng ngày tháng một cách đồng nhất trong tổng thể ứng dụng |  |  |
| Thông báo (Alert) |  |  |
| Chính tả và ngữ pháp trong các thông báo |  |  |
| Con trỏ sau khi thông báo |  |  |
| Hiển thị lựa chọn tương ứng (radio button) |  |  |

**Checklist #8: Save Button Testing Scenarios**

Save/update:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **ADD (ở màn hình Add)** | **EDIT (ở màn hình Edit)** |
| Không nhập dữ liệu nào |  |  |
| Chỉ nhập dữ liệu ở các trường bắt buộc |  |  |
| Nhập tất cả dữ liệu ở các trường |  |  |
| Nhập với giá trị giới hạn tối đa |  |  |
| Nhập với giá trị giới hạn tối thiểu |  |  |
| Chính tả & Ngữ pháp trong thông báo xác nhận |  |  |
| Con trỏ |  |  |
| Bản sao của các trường duy nhất |  |  |

**Checklist #9: Cancel Button Test Scenarios**

Cancel:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Với dữ liệu được nhập trong tất cả các trường |  |  |
| Chỉ với các trường dữ liệu bắt buộc đã được nhập |  |  |
| Với tất cả các trường |  |  |